

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3399/QĐ-UBND

Hoa Lu, ngày 27 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HOA LƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của HĐND phường Hoa Lu về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương phường Hoa Lu năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 216/TTr-KTHT&ĐT ngày 27/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho các phòng, đơn vị thuộc UBND phường theo biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Giao Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thông báo, cấp phát các khoản chi ngân sách nhà nước năm 2026. Trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực V và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Đức Hữu



PHỤ LỤC

GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Khối trường học công lập phường Hoa Lư

Mã KBNN nơi giao dịch: 1311 - Kho bạc nhà nước Khu vực V

(Kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Hoa Lư)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã QHNS	Mã khoản	Dự toán				Ghi chú
				Nguồn	Lương và các khoản có tính chất như lương	KP hoạt động	Tổng cộng	
	Dự toán chi ngân sách nhà nước				332.268	50.796	383.064	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên bằng dự toán				332.268	50.796	383.064	
	Chương 822 - Mã loại 070				332.268	50.796	383.064	
1	Trường THCS Lý Tự Trọng	1038884	073	13	16.178	2.312	18.490	
2	Trường THCS Lê Hồng phong	1040683	073	13	14.751	2.040	16.791	
3	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng (Mã QHNS 1061703)	1061703	073	13	9.670	1.394	11.064	
4	Trường THCS Trương Hán Siêu	1038883	073	13	11.942	1.700	13.642	
5	Trường THCS Ninh Thành	1037158	073	13	7.533	1.088	8.621	
6	Trường THCS Quang Trung	1040684	073	13	6.568	918	7.486	
7	Trường THCS Ninh Nhất	1045869	073	13	3.503	544	4.047	
8	Trường THCS Ninh Tiến	1045654	073	13	4.598	646	5.244	
9	Trường THCS Ninh Bình - Bạc Liêu	1065443	073	13	7.828	1.156	8.984	
10	Trường THCS Ninh Khang	1050016	073	13	5.722	782	6.504	
11	Trường THCS Ninh Mỹ	1058089	073	13	5.434	782	6.216	
12	Trường THCS Ninh Xuân	1066188	073	13	4.407	646	5.053	
13	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng (Mã QHNS 1065434)	1065434	073	13	7.234	1.020	8.254	
14	Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	1093851	072	13	12.719	1.870	14.589	
15	Trường tiểu học Lý Tự Trọng	1093564	072	13	14.403	2.074	16.477	
16	Trường tiểu học Tân Thành	1093854	072	13	10.055	1.462	11.517	
17	Trường tiểu học Đông Thành	1093912	072	13	11.234	1.666	12.900	
18	Trường tiểu học Thanh Bình	1093913	072	13	14.010	1.938	15.948	
19	Trường tiểu học Ninh Khánh	1093924	072	13	10.100	1.462	11.562	
20	Trường tiểu học Quang Trung	1093905	072	13	7.703	1.088	8.791	
21	Trường tiểu học Nam Thành	1093907	072	13	9.635	1.462	11.097	
22	Trường tiểu học Ninh Tiến	1093923	072	13	5.657	816	6.473	
23	Trường tiểu học Ninh Nhất	1093922	072	13	3.725	544	4.269	
24	Trường tiểu học Lê Hồng phong	1093569	072	13	9.631	1.326	10.957	
25	Trường tiểu học Ninh Khang	1094311	072	13	6.772	1.020	7.792	
26	Trường tiểu học Ninh Mỹ	1094312	072	13	6.019	952	6.971	
27	Trường tiểu học Ninh Xuân	1094314	072	13	4.074	612	4.686	
28	Trường tiểu học Thiên Tôn	1094327	072	13	5.945	850	6.795	
29	Trường mầm non Nam Thành	1061760	071	13	8.364	1.326	9.690	
30	Trường mầm non Thủy Sơn	1037160	071	13	6.671	1.122	7.793	
31	Trường mầm non Bích Đào	1122920	071	13	6.565	1.122	7.687	
32	Trường mầm non Hoa Mai	1122919	071	13	5.835	1.020	6.855	
33	Trường mầm non Vân Giang	1122922	071	13	5.015	816	5.831	
34	Trường mầm non Thanh Bình	1122921	071	13	5.192	850	6.042	
35	Trường mầm non Đông Thành	1122928	071	13	8.496	1.632	10.128	
36	Trường mầm non Tân Thành	1122924	071	13	4.427	850	5.277	
37	Trường mầm non Nam Bình	1122923	071	13	4.670	850	5.520	
38	Trường mầm non Ninh Khánh	1122929	071	13	7.638	1.190	8.828	
39	Trường mầm non Ninh Tiến	1122925	071	13	6.256	1.054	7.310	
40	Trường mầm non Ninh Nhất	1122927	071	13	5.860	1.020	6.880	
41	Trường mầm non Ninh Khang	1118710	071	13	5.989	1.122	7.111	
42	Trường mầm non Ninh Mỹ	1118714	071	13	5.610	986	6.596	
43	Trường mầm non Ninh Xuân	1118715	071	13	3.982	782	4.764	
44	Trường mầm non Thiên Tôn	1118708	071	13	4.648	884	5.532	